

Số: 3479/TB-BVTP

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc mời cung cấp báo giá
để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư dùng trong nội soi khớp của bệnh
viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (lần 2)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư dùng trong nội soi khớp của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (*địa chỉ: phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh*) trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các hàng hóa, dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. (*Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, Phường Hồng Gai, Thành phố Quảng Ninh*).

Mã số thuế: 5700391598.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuambvt@gmail.com.

2. Thời hạn và hình thức gửi báo giá.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ 30 phút ngày 10 tháng 10 năm 2026. (*Lưu ý: Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét*).

- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

- Hình thức gửi báo giá:

+ Gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: bản mềm Báo giá (Excel, PDF), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF),

+ Gửi bản gốc trực tiếp hoặc qua bưu điện: Gửi đồng thời 01 bản cứng có chữ ký, đóng dấu đỏ (đóng dấu giáp lai trong trường hợp báo giá có nhiều trang) của Người đại diện theo pháp luật. Gửi về địa chỉ Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh).

3. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Danh mục mời báo giá: Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Thông báo này.
- Báo giá được lập theo mẫu phụ lục II đính kèm Thông báo này.
- Giá báo giá: đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác liên quan.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

Bệnh viện kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế gửi báo giá để tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK. 



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC I

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Kèm theo Thông báo số 3479/TB - BVTP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
Phần I	Vật tư tái tạo dây chằng khớp vai			
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp vai	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. 4m ≤ Chiều dài ≤ 5m. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	90
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp vai	Cái	Đầu đốt cong ≤ 90 độ. 13 cm ≤ Chiều dài ≤ 18 cm . Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	90
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp vai	Cái	Chiều dài ≥ 130 mm. 4.5mm ≤ Đường kính ≤ 5.5mm. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	90
4	Vít chỉ neo đóng sụn viền	Cái	1.8mm ≤ Đường kính thân neo ≤ 4mm. 9 mm ≤ Chiều dài thân neo ≤ 25 mm. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	40
5	Vít chỉ neo đôi may chóp xoay	Cái	1 neo có ≥ 2 sợi chỉ siêu bền. 4.5mm ≤ Đường kính neo ≤ 6.5mm. 15mm ≤ Chiều dài neo ≤ 20 mm. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	125
6	Vít neo khớp vai	Cái	4.5mm ≤ Đường kính ≤ 6mm. 11mm ≤ Chiều dài ≤ 21 mm. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	130

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
7	Kim khâu chớp xoay	Cái	Vật liệu: Nitinol. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Cam kết cung cấp dụng cụ kèm theo để thực hiện được kỹ thuật.	65
8	Troca trong nội soi khớp vai	Cái	6mm ≤ Đường kính ≤ 8.5mm. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	8
Phần II Vật tư tái tạo dây chằng khớp vai tương thích với hệ thống phẫu thuật nội soi khớp hăng Arthrex, Inc				
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp vai tương thích với bộ máy bơm và kiểm soát dịch hăng Arthrex	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. 4m ≤ Chiều dài ≤ 5m. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với Bộ máy bơm và kiểm soát dịch Moden máy chính: Synergy CW 4 Arthroscopy Pump (AR-6485) hăng Arthrex, Inc.	20
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp vai tương thích với máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio hăng Arthrex	Cái	Đầu đốt cong ≤ 90 độ. 13 cm ≤ Chiều dài ≤ 18 cm . Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với Máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio mã AR-9800 hăng Arthrex, Inc.	20
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp vai tương thích với máy bào khớp hăng Arthrex	Cái	Chiều dài ≥ 130 mm. 4.5mm ≤ Đường kính ≤ 5.5mm. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với Máy bào khớp mã AR - 8305 hăng Arthrex, Inc.	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
4	Vít chỉ neo đóng sụn viên tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$1.8\text{mm} \leq \text{Đường kính thân neo} \leq 4\text{mm}$. $10\text{ mm} \leq \text{Chiều dài thân neo} \leq 25\text{ mm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	10
5	Vít chỉ neo đôi may chóp xoay tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$1\text{ neo có } \geq 2\text{ sợi chỉ siêu bền}$. $4.5\text{mm} \leq \text{Đường kính neo} \leq 6.5\text{mm}$. $15\text{mm} \leq \text{Chiều dài neo} \leq 20\text{ mm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	30
6	Vít neo khớp vai tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$4.5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 6\text{mm}$. $11\text{mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 21\text{ mm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	30
7	Kim khâu chóp xoay	Cái	Vật liệu: Nitinol. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Cam kết cung cấp dụng cụ kèm theo để thực hiện được kỹ thuật.	15
8	Troca trong nội soi khớp vai tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$6\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 8.5\text{mm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	2
Phần III Vật tư tái tạo dây chằng khớp gối				
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp gối	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. $4\text{m} \leq \text{Chiều dài} \leq 5\text{m}$. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	150

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp gối	Cái	Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$. $13 \text{ cm} \leq \text{Chiều dài} \leq 18 \text{ cm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	150
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp gối	Cái	Chiều dài $\geq 130 \text{ mm}$. $4.5 \text{ mm} \leq \text{Đường kính} \leq 5.5 \text{ mm}$. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	150
4	Vít treo mảnh ghép dây chằng có thể điều chỉnh độ ngắn dài	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền dùng trong phẫu thuật nội soi khớp. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	200
5	Vít treo mảnh ghép gân các cỡ	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Đường kính neo $\geq 3 \text{ mm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	60
6	Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái	Bao gồm tối thiểu: + Vít neo. Có ≥ 2 vít neo. $1 \text{ mm} \leq \text{Đường kính neo} \leq 1,5 \text{ mm}$ Chiều dài $\geq 5 \text{ mm}$. +Chỉ siêu bền. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	40
7	Vít dây chằng nội soi tự tiêu các cỡ	Cái	$5 \text{ mm} \leq \text{Đường kính} \leq 12 \text{ mm}$ (tối thiểu 5 cỡ). $20 \text{ mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 35 \text{ mm}$ (tối thiểu 2 cỡ). Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	8

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
8	Mũi khoan có chức năng khoan ngược	Cái	$2.4\text{mm} \leq \text{Đường kính đầu mũi khoan} \leq 5\text{mm}$. $5\text{mm} \leq \text{Đường kính khoan đường hầm} \leq 13\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ). Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	4
Phần IV Vật tư tái tạo dây chằng khớp gối tương thích với hệ thống phẫu thuật nội soi khớp hãng Arthrex, Inc				
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp gối tương thích với bộ máy bơm và kiểm soát dịch hãng Arthrex	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. $4\text{m} \leq \text{Chiều dài} \leq 5\text{m}$. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với Bộ máy bơm và kiểm soát dịch Moden máy chính: Synergy CW 4 Arthroscopy Pump (AR-6485) hãng Arthrex, Inc.	40
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp gối tương thích với máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio hãng Arthrex	Cái	Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$. $13\text{ cm} \leq \text{Chiều dài} \leq 18\text{ cm}$. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với Máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio mã AR-9800 hãng Arthrex, Inc.	40
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp gối tương thích với máy bào khớp hãng Arthrex	Cái	Chiều dài $\geq 130\text{ mm}$. $4.5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 5.5\text{mm}$. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với Máy bào khớp mã AR - 8305 hãng Arthrex, Inc.	40
4	Vít treo mảnh ghép dây chằng có thể điều chỉnh độ ngắn dài tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền dùng trong phẫu thuật nội soi khớp. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	50

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
5	Vít treo mảnh ghép gân các cỡ tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Đường kính neo ≥ 3 mm. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex, Inc.	20
6	Vít chỉ khâu sụn chêm tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex	Cái	Bao gồm tối thiểu: + Vít neo Có ≥ 2 vít neo $1 \text{ mm} \leq \text{Đường kính neo} \leq 1,5 \text{ mm}$ Chiều dài $\geq 5 \text{ mm}$ +Chỉ siêu bền Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex, Inc.	10
7	Vít dây chằng nội soi tự tiêu các cỡ tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex	Cái	$5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 12\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ). $20 \text{ mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 35\text{mm}$ (tối thiểu 2 cỡ). Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex, Inc.	2
8	Mũi khoan có chức năng khoan ngược tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex	Cái	$2.4\text{mm} \leq \text{Đường kính đầu mũi khoan} \leq 5\text{mm}$. $5\text{mm} \leq \text{Đường kính khoan đường hầm} \leq 13\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ). Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hăng Arthrex, Inc.	1
Phần V	Vật tư khác			
1	Chỉ siêu bền	Sợi	Chỉ liên kim. Chất liệu: UHMW - Polyethylene. Chiều dài: $\geq 90\text{cm}$ (35inch). Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.	250

Ghi chú: Khuyến khích đơn vị báo giá các danh mục trong phần cùng một chủ sở hữu

PHỤ LỤC II
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 3479/TB - BVTP ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại DD.....
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá Thông báo số 3479/TB-BVTP ngày 29/9/2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:																			Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (20)
STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Tên hàng hoá (3)	Tên thương mại, ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT (Theo QĐ 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017) (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng ký lưu hành (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTYT (A,B,C,D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/ nước chủ sở hữu (12)	Hãng/Nước sản xuất (13)	Xuất xứ (14)	Quy cách đóng gói (15)	Đơn vị tính (16)	Số lượng (17)	Đơn giá (VNĐ) (18)	Thành tiền (VNĐ) (19)	
1																			
2																			
Ghi chú:																			
(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.																			
(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.																			
(18) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)																			

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày].
2. Chúng tôi cam kết:
- Cung cấp đủ trang thiết bị, dụng cụ đi kèm để thực hiện được kỹ thuật cho đến khi sử dụng hết số lượng vật tư.
 - Đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)